

**I. Phần trắc nghiệm. (4 điểm)**

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số 8 056 004 đọc là: **(0,5 điểm)**

- A. Tám triệu năm mươi sáu nghìn không trăm linh bốn
- B. Tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn không trăm linh tư
- C. Tám triệu không trăm năm mươi sáu nghìn không trăm linh tư
- D. Tám triệu không trăm năm mươi sáu nghìn không trăm bốn mươi

Câu 2 Chữ số 8 trong số 73 805 196 chỉ: **(0,5 điểm)**

- A. 8 triệu
- B. 8 trăm nghìn
- C. 8 chục nghìn
- D. 8 nghìn

Câu 3 Số liền trước của số 6 000 000 là: **(0,5 điểm)**

- A. 5 999 999
- B. 5 999 989
- C. 5 999 000
- D. 5 999 899

Câu 4 Các số thuộc dãy số: 0, 2, 4, 6, 8, 10, là: **(0,5 điểm)**

- A. 47 và 50
- B. 128 và 192
- C. 171 và 275
- D. 1 200 và 2 759

Câu 5 Biểu thức $120 : (4 - a)$ có giá trị nhỏ nhất khi a bằng: **(0,5 điểm)**

- A. 0
- B. 1
- C. 2
- D. 4

Câu 6 Trong số 627 983 564, giá trị của chữ số 8 gấp giá trị của chữ số 4 số lần là: **(0,5 điểm)**

- A. 2 lần
- B. 200 lần
- C. 2 000 lần
- D. 20 000 lần

Câu 7 Bốn chiếc xe tải cùng loại chở hàng hoá (như bức tranh) cần đi qua một cây cầu có tải trọng là 5 tấn. Cân nặng của các xe khi không chở hàng là 2 280 kg. Sau khi kiểm tra, các chú cảnh sát giao thông đã xử phạt và không cho phép một trong bốn chiếc xe tải qua cầu. Chiếc xe tải đó là: **(1 điểm)**



II. Phần tự luận. (6 điểm)

* Bài 1 Điền vào chỗ trống. (1 điểm)

Cho các số: 8 363 596 6 736 595 9 875 623 6 709 860

a. Số có chữ số 6 vừa thuộc lớp nghìn vừa thuộc lớp đơn vị là:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Các số chẵn là:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Các số trên được viết theo thứ tự từ bé đến lớn là:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

d. Làm tròn số lớn nhất đến hàng trăm nghìn được số

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

* Bài 2 Đặt tính rồi tính. (1 điểm)

$$42\,735 + 12\,526$$

$$31\,280 - 9\,248$$

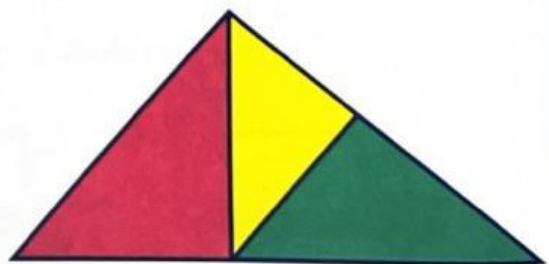
$$15\,116 \times 6$$

$$84\,059 : 7$$

* Bài 3 Số? (1 điểm)

Hình vẽ bên có: góc nhọn, góc tù,

góc vuông, góc bẹt.



Bài 4 $> ; < ; =$? (1 điểm)

7 tấn 28 yến 7 028 kg

12 dm² 60 cm²  1 260 cm²

9 tạ 3 kg 930 kg

6 dm² 5 cm²  60 500 mm²

Bài 5

Bài 5 Tính giá trị của biểu thức. (1 điểm)

a. $a \times 5 + b \times 5$

b. $a + b - c \times 8$

với $a = 120, b = 80$

với $a = 350, b = 150, c = 40$

A blank sheet of graph paper with a grid pattern. The grid consists of 6 columns and 4 rows of squares. Each square is further divided into a smaller grid of 5x5 tiny squares. The lines are thin and light blue.[illegible]

Bài 6

Bài 6 Hiền mua 5 quyển vở, mỗi quyển giá 12 000 đồng. Hiền đưa cho cô bán hàng 100 000 đồng. Vì không để ý nên cô bán hàng đã trả lại Hiền thừa 10 000 đồng. Hỏi cô bán hàng đã trả lại Hiền bao nhiêu tiền? **(1 điểm)**

Bài giải

A full-page view of a blank sheet of graph paper. The grid consists of light blue horizontal and vertical lines forming small squares. There are no margins or additional markings on the page.